TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **261**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2017
V/v Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 474/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2017 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 327/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Lê Văn S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 và lời trình bày nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2007 chị Đ và anh S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 31/3/2009. Thời kỳ chung sống giữa chị Đ và anh S có 01 con chung tên Lê Thị Bảo T, sinh 21/7/2007 (hiện nay chị Đ đang nuôi dạy).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh S thường xuyên nhậu nhẹt, chị Đ đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh S không sửa đổi, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Sỷ nhiều lần đánh đập chị Đ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh S. Yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn Lê Văn S: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh S đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về thủ tục:* Tòa án đã tiến hành triệu tập anh S hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng anh S đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Toà án căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị Đ và anh S không làm được điều đó mà lại thường xuyên cự cải với nhau, ngoài ra anh S còn thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chị Đ, tại phiên tòa chị Đ cương quyết ly hôn với anh S, do đó xác định chị Đ và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được và anh S đã có hành vi bạo lực gia đình,

nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị Đ và anh S là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[5] *Xét về con chung:* Cháu T có nguyện vọng được sống với chị Đ, cháu T hiện nay đang được chị Đ nuôi dạy và chị Đ cũng đã nêu rõ điều kiện đảm bảo việc nuôi dạy cháu T trong việc học hành và việc trưởng thành của cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ đủ điều kiện nuôi dạy cháu T và nguyện vọng của cháu T là được sống với chị Đ, nên cần giao cháu T cho chị Đ nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này và anh S phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với chị Đ là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Đ, nên cần Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Đ cho rằng giữa chị với anh S không có tài sản chung và nợ chung, nhưng tại phiên toà anh S vắng mặt không rõ lý do, nên chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung giữa chị Đ và anh S; do đó cần tách phần tài sản chung và nợ chung giữa chị Đ và anh S ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S, khi nào anh S có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Thị Đ và Lê Văn S.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Bảo T, sinh 21/7/2007 cho chị Đ trực tiếp nuôi dạy. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này; anh S phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với chị Đ.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đ phải nộp 300.000 đồng, chị Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007266 ngày 18/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Từ Thanh Nhung